TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NGẠN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2017/HSST
Ngày 22/11/2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thái Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Bẩy; Ông Trần Đức Vượng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Diệp Văn Vĩ - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2017 tại Nhà văn hóa khu Dốc Đồn, thị trấn Chũ, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 79/2017/HSST ngày 12 tháng 10 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Xuân T**, sinh năm 1989; Tên gọi khác: Không; Nơi cư trú: Khu Q, thị Trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hoá: 11/12; Con ông Nguyễn Xuân P (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1961; Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là thứ hai; Vợ: Vũ Thị D, sinh năm 1995 (không đăng ký kết hôn); Con: Có 02 con (lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2012); Tiền án: Tại bản án số 16/2016/HSST ngày 11/03/2016 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Ngày 23/11/2016 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, ngày 13/10/2017 bị cáo chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, về trách nhiệm dân sự chưa thi hành; Tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án số 51/2008/HSST ngày 11/9/2008 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" (Giá trị tài sản bị cáo lừa đảo là 18.300.000 đồng), bị cáo đã chấp hành xong bản án này; Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 06/7/2017, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

***Người bị hại:** Chị Ngô Thị T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Trú quán: Số nhà 416 Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Ngô Văn H, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Trú quán: Số nhà 416 Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961 (Có mặt)

Trú quán: Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Chị Vũ Thị D, sinh năm 1995 (Có mặt)

Trú quán: Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

4. Anh Vũ Đình H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Trú quán: Khu Q, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Nguyễn Xuân T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Chị Ngô Thị T1, sinh năm 1983 và chồng là anh Ngô Văn H, sinh năm 1986 ở thôn G, xã Q, huyện L có thuê ngôi nhà 03 tầng số 416 thuộc khu Q, thị trấn C, huyện L của bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1961 (mẹ T), cùng trú tại khu Q, thị trấn C, huyện L để làm dịch vụ Spa chăm sóc sắc đẹp.

Khoảng 09 giờ ngày 08/5/2017 Nguyễn Xuân T, sinh năm 1989 trú tại khu Q, thị trấn C (T là con trai của bà T2) đi từ dãy nhà do gia đình T đang ở lên ngôi nhà bà T2 cho vợ chồng chị T1 thuê để nhờ chị T1 vay tiền hộ. Khi T đi lên phòng ngủ trên tầng hai của vợ chồng chị T1 thì thấy chị T1 đang ngủ, T gọi chị T1 dậy và nhờ chị T1 vay hộ T khoảng 10.000.000đ. Do không có tiền nên chị T1 có gọi điện cho một số người để vay tiền hộ T nhưng không vay được, sau đó T nói với chị T1 là chị có tiền không cho em vay mấy trăm nghìn cũng được, thì chị T1 đưa cho T vay số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng). Sau khi cho T vay tiền, chị T1 đi vào phòng vệ sinh để đi vệ sinh thì T phát hiện thấy trùm chìa khoá xe máy của chị T1 để ở trên bàn trang điểm nên T nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy của chị T1 đang dựng ở tầng 1 để mang đi cầm cố lấy tiền chi tiêu. Thực hiện ý định trên T cầm lấy trùm chìa khoá xe máy của chị T1 rồi đi xuống tầng một, thấy chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER 150, màu xanh bạc, biển kiểm soát 98B2-466.26 của T1 dựng ở gần cầu thang, T cắm chìa khoá vào ổ điện mở khoá, sau đó T ngồi lên xe dùng chân đẩy xe mô tô lùi ra ngoài cửa, lúc này chị Bùi Ánh N - sinh năm 1997, trú tại thôn M, xã N, huyện L là nhân viên làm việc tại cửa hàng Spa của chị T1 thấy T lấy xe máy nên hỏi T là "Anh đi đâu đấy", T trả lời "anh đi mua cái này", nói xong T nổ máy xe đi. Thấy T lấy xe máy đi thì chị N chạy lên tầng hai bảo cho chị T1 biết là T đã lấy xe máy của chị T1 đi, chị T1 chạy xuống tầng một thì T đã đi mất. Trộm cắp được xe máy của chị T1, T đi đến nhà anh Vũ Đình H - sinh năm 1984, trú tại khu Q, thị trấn C cầm cố cho anh H lấy 7.000.000đ (bảy triệu đồng) rồi mang đi chi tiêu cá nhân hết. Sau khi bị T trộm cắp chiếc xe máy chị T1 và chồng là anh H đã điện thoại cho T nhiều lần và gặp T yêu cầu T mang xe máy về trả nhưng T không trả. Ngày 09/5/2017 chị T1 đã làm đơn trình báo đến Công an huyện L.

Ngày 11/5/2017, biết chị T1 làm đơn trình báo hành vi trộm cắp xe máy của mình đến Công an huyện L nên T và vợ T là chị Vũ Thị D đã đến nhà anh Vũ Đình H chuộc lại chiếc xe mô tô trên rồi mang về trả lại cho chị T1 và yêu cầu chị T1 làm đơn xin rút đơn trình báo, sau đó T bỏ trốn khỏi nhà.

Ngày 11/5/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe mô tô mà T trộm cắp của chị Ngô Thị T1. Tại Kết luận định giá tài sản số 110/KL-HĐ ngày 15/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L xác định giá trị của chiếc xe mô tô trên ở thời điểm bị chiếm đoạt là 32.200.000đ (ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Ngày 04/7/2017 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã ra Lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Nguyễn Xuân T, ngày 06/7/2017 đã bắt được T tại khu Q, thị trấn C, huyện L.

Từ những nội dung trên, bản Cáo trạng số 83/KSĐT ngày 12/10/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố Nguyễn Xuân T về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T đã khai nhận rõ hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T1 và chị Vũ Thị D giữ nguyên những lời khai như đã khai tại Cơ quan điều tra và không trình bày gì thêm.

Người bị hại, một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của họ tại phiên tòa.

Sau phần xét hỏi, tại phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L giữ nguyên quan điểm như bản Cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt Nguyễn Xuân T từ 16 tháng tù đến 20 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/7/2017.

- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì khác nên về trách nhiệm dân sự không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Tại phần tranh luận, bị cáo Nguyễn Xuân T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức án nhẹ nhất.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà; Trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Tại phiên toà hôm nay, bị cáo Nguyễn Xuân T khai nhận: Khoảng 09 giờ ngày 08/5/2017 bị cáo đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER 150, màu xanh bạc, biển kiểm soát 98B2-466.26 của chị Ngô Thị T1, sinh năm 1983 ở số nhà 416 khu Q, thị trấn C, huyện L. Giá trị chiếc xe mô tô ở thời điểm bị chiếm đoạt là 32.200.000 đồng (Ba mươi hai triệu hai trăm nghìn đồng).

Xét thấy lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, biên bản khám nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án.

Hành vi nêu trên của Nguyễn Xuân T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố bị cáo Nguyễn Xuân T về tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ pháp luật nên cần chấp nhận để xem xét.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người đã có 01 tiền án về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" và là người có nhân thân xấu về hành vi "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Mặc dù đã có tiền án và có nhân thân xấu về tội thuộc nhóm các tội xâm phạm sở hữu, đã nhiều lần bị xử phạt tù nhưng bị cáo Nguyễn Xuân T không lấy đó là những bài học kinh nghiệm cho bản thân mà vẫn tiếp tục có hành vi trộm cắp tài sản của chị Ngô Thị T1 để lấy tiền tiêu sài cá nhân. Qua đó thể hiện bị cáo là người quen ăn chơi, hưởng thụ, lười lao động và là kẻ khó giáo dục, cải tạo, coi thường pháp luật của Nhà nước. Do vậy cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo bằng pháp luật hình sự, buộc bị cáo cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, cũng như nhằm răn đe, phòng ngừa đối với loại tội phạm này nói chung.

Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn và tỏ ra ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có bố đẻ là ông Nguyễn Xuân P là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng huân chương chiến công hạng nhất và Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Căn cứ theo Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội thì bị cáo Nguyễn Xuân T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xem xét và áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu trên cho bị cáo khi quyết định mức hình phạt, xét như vậy là phù hợp các quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người mới thi hành xong án phạt tù, chưa có công ăn việc làm, hoàn cảnh gia đình khó khăn, do vậy Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo, xét như vậy là phù hợp quy định của pháp luật cũng như thể hiện tính nhân đạo của pháp luật Xã hội chủ nghĩa.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác nên về trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Vũ Đình H là người đã nhận cầm cố chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại EXCITER 150, màu xanh bạc, biển kiểm soát 98B2-466.26 mà T trộm cắp của chị T1. Quá trình điều tra xác định khi nhận cầm cố chiếc xe, anh H không biết chiếc xe đó là do T trộm cắp mà có nên không có căn cứ để xử lý về hành vi "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có" đối với anh H. Hội đồng xét xử xét thấy việc xử lý của Cơ quan điều tra là đúng quy định của pháp luật nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Quá trình điều tra vụ án Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L còn tiếp nhận đơn tố cáo của anh Leo Văn H, sinh năm 1992, trú tại thôn B, xã K, huyện L tố cáo ngày 19/04/2017 Nguyễn Xuân T có mượn của anh 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Wave, màu sơn đen, biển kiểm soát 98E1-318.20 đi sau đó không trả. Quá trình điều tra xác định ngày 19/04/2017, anh Leo Văn H đã nhờ Nguyễn Xuân T mang chiếc xe mô tô trên của anh H đi cầm cố hộ để lấy tiền chi tiêu, sau đó T đã mang chiếc xe mô tô của anh H đi cầm cố cho anh Bùi Văn K, sinh năm 1994, trú tại thôn C, xã Q, huyện L được 10.000.000đ. Sau khi cầm cố chiếc xe mô tô của anh H có được số tiền trên T không đưa tiền cho anh H mà tự chi tiêu cá nhân hết, anh H đã đòi nhiều lần nhưng T không trả. Ngày 25/4/2017 anh H đã làm đơn trình báo đến Công an huyện L. Ngày 12/5/2017 T đã chuộc lại chiếc xe mô tô trên và trả lại cho anh H, anh H đã làm đơn xin rút đơn tố cáo đối với T. Quá trình điều tra xác định T không có mục đích chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H nên không có căn cứ để xử lý về hành vi "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản". Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện L không xử lý hành vi này của T là có căn cứ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết vấn đề này.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Xuân T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; Điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 33 Bộ luật hình sự năm 1999; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015; Các Điều 231, 234 Bộ luật tố tụng hình sự:

Xử phạt: Nguyễn Xuân T 16 (Mười sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 06/7/2017.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Xuân T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- UBND thị trấn C, huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Bị cáo;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thái Sơn